

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2023

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 3 NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 25/8/2023.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 3 năm 2023 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Quý 3.2023	Quý 3.2022	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	đồng	681,360,441,155	778,572,254,585	-12.49%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	105,697,060,692	218,137,344,699	-51.55%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	đồng	308,928,744,416	364,501,077,815	-15.25%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	128,957,765,102	184,718,173,442	-30.19%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 3 năm nay giảm 51,55% (BC hợp nhất) và 30,19% (BC công ty mẹ) so với quý 3 năm trước:

+ Sản lượng hàng vận chuyển và giá cước biển giảm, giá cho thuê tàu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chi phí cho đội tàu tăng do tăng thêm tàu HA Rose vào tháng 11/2022 dẫn tới lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm mạnh.

+ Ghi nhận lỗ kinh doanh từ công ty liên doanh Zim Hải An do công ty mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 3/2023.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2023



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.323.989.043.242	1.221.542.508.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	130.127.863.082	129.438.097.542
1. Tiền	111		128.127.863.082	109.438.097.542
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.500.000.000	36.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.500.000.000	36.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.053.572.445.269	932.612.162.951
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	127.263.683.065	118.697.065.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	621.132.205.350	320.263.457.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	50.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	255.341.390.466	443.816.474.346
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22.934.129.422	18.970.109.791
1. Hàng tồn kho	141	V.8	22.934.129.422	18.970.109.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		80.854.605.469	104.022.138.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	8.008.067.827	6.615.935.965
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72.846.537.642	97.406.202.729
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.369.961.286.385	2.441.024.148.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		164.443.150.000	184.443.150.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	13.600.000.000	33.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150.843.150.000	150.843.150.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.847.112.568.203	1.919.748.606.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.844.947.594.050	1.917.477.667.260
<i>Nguyên giá</i>	222		2.670.644.859.290	2.589.926.753.685
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(825.697.265.240)	(672.449.086.425)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.164.974.153	2.270.938.767
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.376.351.083)	(4.270.386.469)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.079.212.660	40.456.597.022
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	23.079.212.660	40.456.597.022
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	266.562.098.827	257.930.850.271
1. Đầu tư vào công ty con	251		294.138.800.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.071.567.673)	(14.186.716.229)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.764.256.695	38.444.945.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	68.764.256.695	38.444.945.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.693.950.329.627	3.662.566.657.874

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.475.968.094.374	1.740.371.467.789
I. Nợ ngắn hạn	310		548.072.514.226	684.772.559.436
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	40.331.298.266	50.061.510.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	8.734.600	2.857.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	65.827.901.682	114.080.175.829
4. Phải trả người lao động	314		5.100.524.566	6.063.255.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	11.425.680.554	7.103.819.080
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	12.478.864.800	8.141.925.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	150.856.555.210	275.493.297.994
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	171.820.983.901	172.920.747.522
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	90.221.970.647	50.904.970.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		927.895.580.148	1.055.598.908.353
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		484.000.000.000	484.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	443.895.580.148	571.598.908.353
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.217.982.235.253	1.922.195.190.085
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.217.982.235.253	1.922.195.190.085
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.055.168.810.000	703.446.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.055.168.810.000	703.446.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		554.816.070.809	352.405.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		416.356.706.285	674.702.801.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		73.340.661.117	674.702.801.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		343.016.045.168	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.693.950.329.627	3.662.566.657.874

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	308.928.744.416	364.501.077.815	889.402.666.792	1.021.153.720.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		308.928.744.416	364.501.077.815	889.402.666.792	1.021.153.720.807
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	171.826.858.258	160.169.631.190	460.960.133.840	465.060.485.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.101.886.158	204.331.446.625	428.442.532.952	556.093.235.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.540.422.736	35.938.955.969	49.141.290.409	76.437.675.153
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.202.069.810	5.008.144.437	46.972.545.582	12.926.544.525
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.915.114.042	8.150.806.588	31.475.879.658	19.952.686.055
8. Chi phí bán hàng	25				-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.067.654.189	6.970.128.438	21.837.323.616	22.557.028.709
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		149.372.584.895	228.292.129.719	408.773.954.163	597.047.337.594
11. Thu nhập khác	31	VI.6	(639.305.716)	32.066.489	1.524.729.905	141.132.273
12. Chi phí khác	32	VI.7	49.644.511	10.652.116.512	533.364.773	27.304.588.197
13. Lợi nhuận khác	40		(688.950.227)	(10.620.050.023)	991.365.132	(27.163.455.924)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		148.683.634.668	217.672.079.696	409.765.319.295	569.883.881.670
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		19.725.869.566	32.953.906.254	66.749.274.127	89.125.971.560
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		128.957.765.102	184.718.173.442	343.016.045.168	480.757.910.110

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		409.765.319.295	569.883.881.670
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		119.891.863.374	90.835.366.972
- Các khoản dự phòng	03		14.884.851.444	(7.648.986.447)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.486.919.156)	(833.805.374)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.046.285.388)	(70.629.683.791)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	31.475.879.658	19.952.686.055
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		529.484.709.227	601.559.459.085
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		237.988.030.179	(232.105.170.635)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.964.019.631)	(359.326.094)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(84.596.723.673)	240.100.140.194
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31.711.442.981)	(2.463.680.761)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.242.828.500)	(23.657.048.242)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(141.735.874.409)	(34.438.866.567)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(7.912.000.000)	(8.597.149.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		451.309.850.212	540.038.357.980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(375.510.383.775)	(730.167.848.006)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		818.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(118.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	64.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(23.516.100.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		55.522.320.493	45.637.891.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(322.685.981.464)	(738.529.956.908)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	105.165.354.151	394.358.543.497
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(233.968.445.977)	(115.073.786.874)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(585.200.000)	(47.445.464.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(129.388.291.826)	231.839.292.623
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(764.423.078)	33.347.693.695
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	129.438.097.542	317.414.227.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.454.188.618	2.099.979.954
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	130.127.863.082	352.861.900.798

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- 1. Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Kết quả kinh doanh kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu giảm do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu giảm mạnh.
- 6. Cấu trúc Công ty**
Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%

Công ty liên kết
Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 77 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 74 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	864.259.767	924.915.077
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	127.263.603.315	108.513.182.465
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	2.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	130.127.863.082	129.438.097.542

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	294.138.800.000	(29.071.567.673)	270.622.700.000	(14.186.716.229)
Công ty TNHH Cảng Hải An	30.000.000.000		30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101.000.000.000		101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An	139.622.700.000	(5.555.467.673)	139.622.700.000	(14.186.716.229)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23.516.100.000	(23.516.100.000)	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.494.000.000		1.494.000.000	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.494.000.000		1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500		866.500	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải Công ty Cổ phần MHC	864.000		864.000	-
	2.500		2.500	-
Cộng	295.633.666.500	(29.071.567.673)	272.117.566.500	(14.186.716.229)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cảng Hải An		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		50,50%		50,50%
Công ty TNHH Pan Hải An		51,00%		51,00%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		51,00%	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.195.200	36,16%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An mới thành lập ngày 02/02/2023, hoạt động chính trong kỳ là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, hoạt động bị lỗ do sản lượng khai thác hàng hóa trên tuyến Port Kelang - Hải Phòng thấp, không đủ bù đắp chi phí.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(14.186.716.229)	(26.253.330.162)
Trích lập dự phòng bổ sung	(23.516.100.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	8.631.248.556	7.648.986.447
Số cuối kỳ	(29.071.567.673)	(18.604.343.715)

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)		
Cho công ty con thuê văn phòng	1.974.747.339	2.037.591.324
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	33.504.742.634	36.817.279.609
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	181.370.861.253	201.584.934.916
Phí cấp nước ngọt phải trả công ty con	201.990.000	84.780.000
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	738.000.000	738.000.000
Công ty con chia lợi nhuận	17.991.814.944	39.006.712.673
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)		
Cung cấp dịch vụ cho HACT	313.040.022.710	337.390.601.916
Thuê văn phòng của công ty mẹ	858.943.343	818.410.104,00
HATS chi trả lãi BCC	31.557.483.025	2.096.483.602
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	70.637.775.331	16.149.152.745
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	-	13.000.000.000
HACT chia lợi nhuận	20.200.000.000	20.200.000.000
HACT chi hộ	100.108.000	469.448.480
Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)		
Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	2.700.545.259	6.758.014.001
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	1.555.430.000	1.671.030.000
Thu tiền gốc cho vay từ Pan Hải An	20.000.000.000	2.500.000.000
Lãi cho Công ty con vay	938.200.000	1.170.916.667
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
Sử dụng dịch vụ của HAAL	1.435.000	-
Cung cấp dịch vụ cho HAAL	4.590.725.402	5.248.269.247

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

HATS chi trả lãi BCC	16.479.858.054	7.290.110.066
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	6.000.000.000
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An		
HATS góp vốn vào công ty con	23.516.100.000	-
Thuê văn phòng của công ty mẹ	138.834.070	-
HATS cung cấp dịch vụ	58.183.660.712	-
HATS chi hộ	1.935.162.872	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		
Sử dụng dịch vụ của HAGS	3.457.340.855	3.048.279.357
HATS cung cấp dịch vụ cho HAGS	132.194.554	180.911.388
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	183.308.766	211.108.220
HAFC chia cổ tức	2.988.000.000	1.045.800.000
HATS chi trả lãi BCC	19.972.012.296	7.430.922.884

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	119.781.713.510	112.293.713.049
Công ty TNHH Cảng Hải An	56.222.540.353	40.329.869.234
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	26.472.884.288	68.879.761.355
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.100.774.793	1.355.620.478
Công ty TNHH Pan Hải An	481.422.670	797.926.670
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	47.211.454	71.278.652
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	125.834.040	15.216.500
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	451.325.904	844.040.160
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	34.879.720.008	-
Phải thu các khách hàng khác	7.481.969.555	6.403.352.168
CÔNG TY TNHH OOCL VIỆT NAM	1.136.015.374	1.572.480.581
CK LINE CO., LTD	519.498.809	610.944.373
HMM CO., LTD	813.441.695	397.923.180
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	363.706.759	941.777.966
Maersk A/S	563.122.296,00	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Liên Hợp		297.641.529
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH NAM SUNG SHIPPING VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG	1.321.631.047	1.400.083.049
Asean Seas Line Co.Ltd, Hong Kong	1.000.567.066	-
Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Macs	612.410.900	706.658.240
Khách hàng khác	1.151.575.609	475.843.250
Cộng	127.263.683.065	118.697.065.217

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>621.132.205.350</i>	<i>320.263.457.000</i>
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	66.726.119	20.431.711
Cảng vụ hàng hải Hải Phòng	39.605.364	-
CÔNG TY CỔ PHẦN UNICO VINA	358.680.000	-
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	615.485.287.600	304.051.069.400
Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	-	314.427.000
Công ty cổ phần du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam-Vietravel CN Hải Phòng	800.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	1.798.879.170	-
Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	-	2.356.797.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ KTD	1.079.560.400	-
ASL Shipyard Pte Ltd	-	1.181.056.000
CÔNG TY TNHH YUSEN LOGISTICS (VIỆT NAM)	-	200.520.661
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	-	11.659.791.000
Seclashing Shanghai Co.,Ltd	862.323.827	-
Các nhà cung cấp khác	641.142.870	479.364.228
Cộng	621.132.205.350	320.263.457.000

(*) Tạm ứng theo giai đoạn cho 03 hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU. Thời gian dự kiến bàn giao vào cuối năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024.

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Theo Cam kết trả nợ ngày 22/7/2023, khoản cho vay được sẽ được hoàn trả muộn nhất trước ngày 30/11/2023.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An (công ty con) vay theo hợp đồng vay chuyển đổi số 01/HĐVV/HATS-PHA ký ngày 19/11/2019 với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn. Theo Phụ lục số 03 ngày 01/01/2022, lãi suất cho vay cố định được điều chỉnh lên 7,8%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>54.615.708.406</i>	<i>171.644.712.213</i>
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	10.353.420.462	21.116.287.654
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	44.158.273.655	149.020.307.770
<i>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An</i>	<i>7.043.403.586</i>	<i>93.324.451.508</i>
<i>Công ty cổ phần vận tải biển An Biên</i>	<i>37.114.870.069</i>	<i>37.842.110.737</i>
<i>Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C</i>	<i>-</i>	<i>17.853.745.525</i>
Các khoản chi hộ	104.014.289	1.508.116.789
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>200.725.682.060</i>	<i>272.171.762.133</i>
Tổng công ty Bảo hiểm PVI - Chi phí sự cố tàu HA City	73.925.261.495	133.976.708.530
Doanh thu tạm tính	279.257.000	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	124.423.676.376	124.423.676.376
Ký cược, ký quỹ	101.350.000	11.644.350.000
Tạm ứng	929.001.599	589.603.600
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.067.135.590	1.537.423.627
Cộng	255.341.390.466	443.816.474.346

- (i) Là khoản đặt cọc cho các cá nhân theo Hợp đồng đặt cọc ngày 06/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/4/2019 và cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020. Theo biên bản làm việc ngày 19/7/2023, khoản đặt cọc này sẽ được chuyển thành với cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Lưu Nguyên Cái Mép.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số tiền
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(76.008.302.717)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)
Số còn lại chờ bồi thường	73.925.261.495

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan về hợp tác kinh doanh	150.769.150.000	-	150.769.150.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	80.769.150.000	-	80.769.150.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.000.000	-	74.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	150.843.150.000	-	150.843.150.000	-

Phải thu các bên kiểm soát về tiền vốn hợp tác kinh doanh để khai thác tàu. Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- (i) Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An. Thời hạn hợp tác của hợp đồng ký mới từ năm 2021 là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Hợp đồng 48-HĐHTKD (18/4/2017)	45.000.000.000	56,25%
Hợp đồng 0101-2021/BCC-HACT (11/01/2021)	25.000.000.000	25,00%
Cộng	70.000.000.000	100%

- (ii) Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24/01/2022. Số tiền góp vốn của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh là 80.769.150.000 VND (tỷ lệ góp vốn là 31,5%). Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.043.183.533	-	18.399.638.985	-
Công cụ, dụng cụ	890.945.889	-	570.470.806	-
Cộng	22.934.129.422	-	18.970.109.791	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	2.903.927.970	2.215.717.146
Phí đường bộ	68.948.830	89.049.500
Chi phí thuê văn phòng	112.000.000	80.000.000
Dầu nhờn	4.366.597.989	4.231.169.319
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	556.593.038	-
Cộng	8.008.067.827	6.615.935.965

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	12.128.993.922	5.529.908.591
Chi phí lên đà tàu Haian Link, West, City, Mind	56.563.121.781	31.758.137.317
Chi phí khác	72.140.992	1.156.899.668
Cộng	68.764.256.695	38.444.945.576

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	227.398.863.668	315.801.006.983	2.024.977.038.134	828.474.546	20.921.370.354	2.589.926.753.685
Mua trong kỳ	73.173.517.322	7.568.194.528	1.245.187.818	-	-	81.986.899.668
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.266.794.063)	-	-	(1.266.794.063)
Giảm khác	-	-	(2.000.000)	-	-	(2.000.000)
Số cuối kỳ	300.572.380.990	323.369.201.511	2.024.953.431.889	828.474.546	20.921.370.354	2.670.644.859.290
Giá trị hao mòn						-
Số đầu năm	148.330.807.143	267.008.726.464	243.742.542.765	783.187.818	12.583.822.235	672.449.086.425
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	8.904.482.681	13.693.804.437	130.553.953.584	13.134.078	1.563.290.280	154.728.665.060
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(735.444.332)	-	-	(735.444.332)
Giảm khác	-	(745.041.913)	-	-	-	(745.041.913)
Số cuối kỳ	157.235.289.824	279.957.488.988	373.561.052.017	796.321.896	14.147.112.515	825.697.265.240
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	79.068.056.525	48.792.280.519	1.781.234.495.369	45.286.728	8.337.548.119	1.917.477.667.260
Số cuối kỳ	143.337.091.166	43.411.712.523	1.651.392.379.872	32.152.650	6.774.257.839	1.844.947.594.050

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.674.076.469	1.596.310.000	4.270.386.469
Khấu hao trong kỳ	105.964.614		105.964.614
Số cuối kỳ	2.780.041.083	1.596.310.000	4.376.351.083
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.270.938.767	-	2.270.938.767
Số cuối kỳ	2.164.974.153	-	2.164.974.153

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2.076.442.437	36.404.240.592	(22.143.241.922)	-	16.337.441.107
Xây dựng cơ bản dở dang	20.386.725.141	59.528.563.734	(73.173.517.322)	-	6.741.771.553
Sửa chữa lớn TSCĐ	17.993.429.444	26.396.274.108	-	(44.389.703.552)	-
Cộng	40.456.597.022	122.329.078.434	(95.316.759.244)	(44.389.703.552)	23.079.212.660

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.117.456.504	696.406.528
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	53.106.892	50.830.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1.064.349.612	645.576.208
Phải trả các nhà cung cấp khác	39.213.841.762	49.365.103.769
BEN LINE AGENCIES SINGAPORE PTE., LTD	-	25.212.439.376
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đồng Đô	783.177.615	2.716.145.148
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hải Phòng	1.762.459.319	-
Triton Container International Limited-Colle	1.744.154.436	2.287.801.944
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1.819.456.290	1.541.273.054
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	4.682.182.076	4.263.618.985
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ÂU	-	1.344.506.040

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÀNG HẢI NHẬN BIẾN VIỆT NAM	1.767.918.629	-
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC	336.549.379	509.561.627
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	1.192.752.540	795.630.708
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	747.360.809	841.806.933
Công ty TNHH xếp dỡ An Hải	-	365.053.932
Bright Hill Ship Services	94.005.650	1.024.760.591
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỬA CHỮA TÀU BIỂN MINH GIANG	-	124.232.659
Công ty TNHH sửa chữa và dịch vụ tàu biển Hải Minh	1.293.757.722	1.643.304.440
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT TỰ ĐỘNG HÓA HẢI ĐĂNG	-	613.044.472
Công ty TNHH Ngọc Minh Anh	126.599.000	1.705.247.200
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ TÀU VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI ĐẠI DƯƠNG	560.754.965	650.501.280
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	-
công ty xăng dầu khu vực III-TNHH Một thành viên	741.043.150	-
Daikai Engineering Pte Ltd	906.475.393	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KHO VẬN NĂM SAO	534.348.026	-
KEEN MARITIME SERVICES LIMITED	346.261.876	-
Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	1.004.944.425	-
CLARKSONS SINGAPORE PTE.LIMITED	537.595.579	-
Công ty cổ phần Việt Đức	626.436.060	-
Công ty CP thương mại nạo vét và xây dựng Hùng Dũng	4.982.922.369	-
Công ty TNHH Quốc tế B2B	2.028.750.000	-
CÔNG TY TNHH T - MARINE	509.486.335	-
Các nhà cung cấp khác	6.552.228.374	3.726.175.380
Cộng	40.331.298.266	50.061.510.297

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	83.136.402	265.477.115	(264.070.748)	84.542.769	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.669.092.891	93.793.605.235	(141.735.874.409)	63.726.823.717	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.327.946.536	4.327.983.856	(5.217.494.596)	1.438.435.796	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-
Tiền thuê đất	-	2.023.347.900	(1.445.248.500)	578.099.400	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	114.080.175.829	100.415.414.106	(148.667.688.253)	65.827.901.682	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài 0%
- Cung cấp nước ngọt 5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác 8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.683.634.668	217.672.079.696
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	320.233.462	211.703.782
- Các khoản điều chỉnh tăng	320.233.462	211.703.782
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	149.003.868.130	217.883.783.478
Thu nhập được miễn thuế	(25.463.153.765)	(31.683.928.235)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	123.540.714.365	186.199.855.243
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	33.660.384.667	31.092.818.428
- Hoạt động khai thác không được ưu đãi	12.858.309.962	16.058.901.290
- Hoạt động khai thác tàu	77.022.019.736	139.048.135.525
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	24.708.142.873	37.239.971.049

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(3.366.035.592)</i>	<i>(3.109.281.842)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(1.683.019.233)</i>	<i>(1.554.640.921)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>66.781.518</i>	<i>377.857.968</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19.725.869.566	32.953.906.254
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(2.877.178.998)	(8.602.969.696)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	10.582.861.788	13.681.298.589
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.431.552.356	38.032.235.147

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m ²	19.489 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m ²	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m ²	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m ²	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m ²	14.355 VND

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoạt động cảng	5.400.000.000	-
Chi phí hoạt động tàu	952.937.313	1.084.540.000
Chi phí lãi vay phải trả	5.072.743.241	6.019.279.080
Cộng	11.425.680.554	7.103.819.080

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	129.103.425.419	246.191.324.304
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	128.833.425.419	245.711.324.304
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	21.997.821.710	48.253.528.556
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	4.552.806.560	16.479.858.054
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	60.350.528.107	124.881.934.533
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	30.505.448.291	36.123.990.865
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	9.869.555.004	19.972.012.296
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	1.557.265.747	-
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	270.000.000	480.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	21.753.129.791	29.301.973.690
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	21.501.436.241	28.409.241.900
Kinh phí công đoàn	124.258.648	118.693.083
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	81.845.600	667.045.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	45.589.302	106.993.107
Cộng	150.856.555.210	275.493.297.994

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền nhận vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ngày 29/06/2020, số 02-2021/HKHTKD ngày 02/02/2021, số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021 và số 02-2022/HĐHTKD ngày 15/09/2022, trong đó, Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng ký mới từ năm 2021 là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, hợp đồng ký trước năm 2021 là 5 năm kể từ ngày các bên ký hợp đồng.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	484.000.000.000	434.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	228.600.000.000	228.600.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18.440.000.000	18.440.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	32.660.000.000	32.660.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	62.100.000.000	62.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	72.200.000.000	72.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	50.000.000.000
Cộng	484.000.000.000	484.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: Triệu VND										Tổng cộng
	Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)		Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)		Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)		Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)		Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)		
	Số tiền (triệu VND)	Tỷ lệ	Số tiền (triệu VND)	Tỷ lệ	Số tiền (triệu VND)	Tỷ lệ	Số tiền (triệu VND)	Tỷ lệ	Số tiền (triệu VND)	Tỷ lệ	
Công ty góp vào BCC	40.000	53,33%	30.000	30,00%	66.000	60,00%	127.000	52,48%	236.000	51,75%	499.000
Các bên khác góp vốn BCC	35.000	46,66%	70.000	70,00%	44.000	40,00%	115.000	47,51%	220.000	48,25%	484.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	228.600
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%					8.440	1,85%	18.440
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An			10.000	10,00%			10.000	4,13%	12.660	2,78%	32.660
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	62.100
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%			5.000	2,07%	42.200	9,25%	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên							20.000	8,26%			20.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C							50.000	20,66%			50.000
Cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	983.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	46.967.249.067	56.520.339.315
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng(i)	-	34.334.305.979
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội(ii)	46.967.249.067	27.107.033.336
Vay dài hạn đến hạn trả	124.853.734.834	116.400.408.207
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	114.790.574.834	101.416.248.207
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Cộng	171.820.983.901	172.920.747.522

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2022/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 01/4/2022, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Tài sản đảm bảo là Căn trực chân đế Kirow Ardelit GmbH và 2 xe nâng Kalmar.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	61.441.339.315	111.479.408.207	172.920.747.522
Số tiền vay phát sinh trong năm	105.165.354.151	-	105.165.354.151
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	127.703.328.205	127.703.328.205
Số tiền vay đã trả trong năm	(119.639.444.399)	(114.329.001.578)	(233.968.445.977)
Số cuối kỳ	46.967.249.067	124.853.734.834	171.820.983.901

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (i)	436.348.220.148	556.504.178.353
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính (ii)	7.547.360.000	15.094.730.000
Cộng	443.895.580.148	571.598.908.353

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

<i>Hợp đồng vay</i>	<i>Mục đích vay/Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Hợp đồng 01/2018/VCB-HAIA ngày 15/10/2018	tải trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani (Hải An Link)	60 tháng	tàu Hải An Link
Hợp đồng 01.2019/HĐCV/VCB-HAIA ngày 29/05/2019	đầu tư dự án tàu container VNL Ruby (Hải An Mind)	60 tháng	tàu Hải An Link và tàu Hải An Mind và các TSCĐ khác
Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/4/2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng	tàu biển Hải An West
Hợp đồng tín dụng số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng tín dụng số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bía (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	tàu biển Hải An City
Hợp đồng tín dụng số 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	tàu biển Hải An Rose

Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu.

Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	124.853.734.834	111.479.408.207
Trên 1 năm đến 5 năm	443.895.580.148	571.598.908.353
Trên 5 năm	-	-
Cộng	568.749.314.982	683.078.316.560

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	571.598.908.353	138.800.718.509
Số tiền vay phát sinh	-	342.950.037.148
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(127.703.328.205)	(96.700.940.558)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	659.994.900
Số cuối kỳ	443.895.580.148	385.709.809.999

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.387.726.213	26.988.000.000	(1.220.000.000)	56.155.726.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	20.517.244.434	20.241.000.000	(6.692.000.000)	34.066.244.434
Cộng	50.904.970.647	47.229.000.000	(7.912.000.000)	90.221.970.647

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	191.640.648.159	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	480.757.910.110	480.757.910.110
Trích lập các quỹ	-	-	82.315.000.000	(111.125.000.000)	(28.810.000.000)
Trả cổ tức năm 2021	195.130.660.000	-	-	(243.913.411.000)	(48.782.751.000)
Số dư cuối kỳ trước	682.958.170.000	191.640.648.159	352.405.070.809	537.296.880.178	1.764.300.769.146
					-
Số dư đầu năm nay	703.446.670.000	191.640.648.159	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	343.016.045.168	343.016.045.168
Trích lập các quỹ	-	-	202.411.000.000	(249.640.000.000)	(47.229.000.000)
Trả cổ tức năm 2022	351.722.140.000	-	-	(351.722.140.000)	-
Số dư cuối kỳ này	1.055.168.810.000	191.640.648.159	554.816.070.809	416.356.706.285	2.217.982.235.253

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.055.168.810.000	703.446.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	1.246.809.458.159	895.087.318.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.516.881	70.344.667
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	105.516.881	70.344.667
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	105.516.881	70.344.667

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (5.000 VND/cổ phiếu) (*)	: 351.723.330.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 202.411.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 20.241.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 26.988.000.000

(*) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2022 là 50% cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức là 35.172.333 cổ phiếu.

Ngày 03/7/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0207-2023/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022. Theo Thông báo số 1264/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/7/2023, ngày giao dịch không hưởng quyền là 07/8/2023, ngày đăng ký cuối cùng là 8/8/2023.

19e. Thông tin khác

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua chủ trương phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2023 có tổng mệnh giá tối đa 500 tỷ VND. Thời gian phát hành dự kiến trong năm 2023 hoặc năm 2024. Mục đích phát hành dự kiến để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	4.169.634,91	2.681.020,39
Euro (EUR)	40,54	40,54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	201.108.638.543	260.024.765.222
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	89.195.661.940	82.454.512.117
Doanh thu hoạt động khác	18.624.443.933	22.021.800.476
Cộng	308.928.744.416	364.501.077.815

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	624.798.470	17.821.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	1.858.137.108	2.877.494.970
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	-	244.625.003
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	4.732.122.583

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	111.845.524.330	100.600.361.771
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	46.906.247.426	44.509.032.757
Giá vốn của hoạt động khác	13.075.086.502	15.060.236.662
Cộng	171.826.858.258	160.169.631.190

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	303.789.041	1.740.982.878
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.452.806	26.697.664
Lãi tiền cho vay	312.800.000	581.972.222
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.463.153.765	31.683.928.235
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	989.195.041	1.905.374.970
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.455.032.083	-
Cộng	28.540.422.736	35.938.955.969

4. Chi phí tài chính

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Chi phí lãi vay	9.915.114.042	8.150.806.588
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(2.932.833.822)	(3.615.682.069)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	219.789.590	103.626.349
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	369.393.569
Cộng	7.202.069.810	5.008.144.437

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.637.817.578	3.833.483.376
Chi phí vật liệu quản lý	125.894.710	124.901.501
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.170.000	7.472.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.515.792	227.047.776
Thuế, phí và lệ phí	24.364.526	20.685.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	737.991.731	820.825.294
Các chi phí khác	2.311.899.852	1.935.712.522
Cộng	9.067.654.189	6.970.128.438

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(1.264.787.339)	-
Tiền bồi thường	-	32.066.496
Thu nhập khác	625.481.623	(7)
Cộng	(639.305.716)	32.066.489

7. Chi phí khác

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	-	472.408
Thuế bị phạt, bị truy thu	32.614.456	136.662.500
Chi phí khắc phục sự cố tàu Haian City	-	10.498.000.000
Chi phí khác	17.030.055	16.981.604
Cộng	49.644.511	10.652.116.512

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.468.659.556	97.673.439.766
Chi phí nhân công	54.947.252.651	50.563.314.588
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.891.863.374	89.482.231.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.048.012.780	140.351.122.553
Chi phí khác	119.441.669.095	109.547.405.755
Cộng	482.797.457.456	487.617.513.841

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Nguyên Chủ tịch HĐQT/Cố vấn cấp cao	1.287.099.692	120.000.000	2.354.945.940	3.762.045.632
Ông Vũ Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT	1.094.530.000	120.000.000	1.125.867.406	2.340.397.406
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	262.760.000	120.000.000	697.690.600	1.080.450.600
Ông Phạm Quang Khánh – Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	-	-	100.000.000	100.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	693.120.000	-	453.690.609	1.146.810.609
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	506.240.000	-	325.354.088	831.594.088
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	290.000.000	410.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	290.000.000	410.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	120.000.000	290.000.000	410.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	60.000.000	106.500.000	166.500.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	66.000.000	126.000.000
Cộng	<u>3.843.749.692</u>	<u>900.000.000</u>	<u>6.166.048.643</u>	<u>10.909.798.335</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.357.044.615	114.000.000	1.068.955.324	2.539.999.939
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	856.140.000	114.000.000	758.296.174	1.728.436.174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	114.000.000	200.000.000	314.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	114.000.000	90.000.000	204.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	114.000.000	90.000.000	204.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	114.000.000	90.000.000	204.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	550.080.000	-	299.515.737	849.595.737
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	-	84.965.277	399.365.277
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	441.160.000	-	254.465.175	695.625.175
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	57.000.000	54.000.000	111.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	57.000.000	36.000.000	93.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	57.000.000	36.000.000	93.000.000
Cộng	3.518.824.615	855.000.000	3.062.197.687	7.436.022.302

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Quỹ TM Holding	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
HATS chi trả lãi BCC	36.123.990.865	22.441.357.075
HATS trả cổ tức	-	5.567.500.000
Chi phí HATS thuê văn phòng	1.829.881.678	1.833.779.446
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)		
HATS trả cổ tức	-	1.722.060.000
HATS chi trả lãi BCC	48.253.528.556	18.489.898.404
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	3.000.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	98.181.822	60.000.005
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên		
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC	-	80.769.150.000
HATS vay bên liên quan	25.000.000.000	
HATS trả gốc vay bên liên quan	25.000.000.000	-
Lãi vay phải trả bên liên quan	287.671.233	-
An Biên chi trả lãi BCC	30.704.069.206	-
An Biên chuyển lỗ tàu HAC	7.138.041.531	-
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	-	13.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C		
Sao Á D.C chuyển lỗ tàu HAC	17.853.745.525	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	604.055.824.988	229.929.539.750	55.417.302.054	889.402.666.792
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	604.055.824.988	229.929.539.750	55.417.302.054	889.402.666.792
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	304.627.987.475	106.531.580.826	17.282.964.651	428.442.532.952
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.837.323.616)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				406.605.209.336
Doanh thu hoạt động tài chính				49.141.290.409
Chi phí tài chính				(46.972.545.582)
Thu nhập khác				1.524.729.905
Chi phí khác				(533.364.773)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(66.749.274.127)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				343.016.045.168
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	61.280.886.882	61.095.251.552	-	122.376.138.434
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	155.491.634.386	19.706.084.285	4.223.908.305	179.421.626.976
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	702.291.750.152	249.915.241.893	68.946.728.762	1.021.153.720.807
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	702.291.750.152	249.915.241.893	68.946.728.762	1.021.153.720.807
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	419.423.495.689	112.410.471.100	24.259.268.886	556.093.235.675
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22.557.028.709)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh				533.536.206.966

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

doanh				
Doanh thu hoạt động tài chính				76.437.675.153
Chi phí tài chính				(12.926.544.525)
Thu nhập khác				141.132.273
Chi phí khác				(27.304.588.197)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(89.125.971.560)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				480.757.910.110

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	584.759.385.988	8.871.800.684	1.231.489.091	594.862.675.763
---	------------------------	----------------------	----------------------	------------------------

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	76.172.982.594	17.611.688.846	5.743.892.466	99.528.563.906
---	-----------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.612.992.168.888	242.468.293.151	38.410.449.466	2.893.870.911.505
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				800.079.418.122
Tổng tài sản				3.693.950.329.627
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.204.918.173.806	68.095.229.234	41.273.866.289	1.314.287.269.329
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				161.680.825.045
Tổng nợ phải trả				1.475.968.094.374

Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.060.158.880	2.636.949.604.796	44.819.131.304	2.881.828.894.980
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				780.737.762.894
Tổng tài sản				3.662.566.657.874
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.449.683.398	1.452.348.263.259	261.990.289.123	1.738.788.235.780
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.583.232.009
Tổng nợ phải trả				1.740.371.467.789

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức đã được trình bày ở Thuyết minh V.19d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn